TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/TCDS - ST.
Ngày 07 tháng 9 năm 2020.
V/v tranh chấp: "Kiện chia di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - HÀ NAM.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Duy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Chi và ông Lê Chí Trung.

- Thư ký Toà án phiên toà: Bà Bùi Thị Thu Ngân - Là thư ký tòa án thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2020/TLST-TCDS ngày 23 tháng 3 năm 2020 về việc "Kiện chia di sản thừa kế" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị H, sinh năm 2000.

Đại diện theo ủy quyền của chị Vũ Thị H: Chị Quách Thị Lý L, sinh năm 1997.

*** Bị đơn:** Bà Quách Thị Thu H1, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

*** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1/ Bà Vũ Thị H2, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện T, tỉnh Hà Nam.

2/ Ông Vũ Đình Đ, sinh năm 1962.

ĐKNKTT: Thôn N, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ: Khối 7, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

3/ Ông Vũ Đình T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện N, Kon Tum.

4/ Bà Vũ Thị H3, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

5/ Bà Vũ Thị V, sinh năm 1956.

6/ Bà Vũ Thị H4, sinh năm 1970.

Đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị H4: Bà Vũ Thị V, sinh năm 1956.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa có mặt chị H, chị H1, chị L và bà V. Vắng mặt ông Đ, ông T, bà H2, bà H3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/3/2020, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày:*

Chị Vũ Thị H là con gái ruột của ông Vũ Đình C và bà Quách Thị Thu H1. Năm 2011 ông Vũ Đình C không may qua đời, khi mất không để lại di chúc. Khối tài sản mà ông C để lại là thửa đất số 99, tờ bản đồ phụ lục 3 diện tích 89m2, trên đất có nhà 01 tầng mái bằng, có gác lửng và các công trình phụ. Theo chị H được biết thửa đất trên là do bố và ông bà nội là cụ Vũ Đình Q và cụ Đặng Thị D cùng bỏ tiền ra mua và cho bố chị được quyền sử dụng. Tuy nhiên khi mua đất còn nợ lại một khoản tiền. Đến năm 1999 ông Vũ Đình C và bà Quách Thị Thu H1 kết hôn, sau khi kết hôn bà H1 đã cùng ông C lo trả nốt số nợ còn lại. Vì vậy đến năm 2006 Ủy ban nhân dân huyện T đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Vũ Đình C và bà Quách Thị Thu H1 thuộc loại hình chuyển quyền thừa kế. Năm 2002 ông C, bà H1 đã xây dựng nhà bếp và các công trình phụ trên thửa đất. Khi xây dựng nhà cửa là công sức của bố, mẹ chị H bỏ ra hoàn toàn. Toàn bộ khối tài sản của ông C để lại hiện vẫn còn nguyên trạng như hiện tại, không tu bổ và phát triển tài sản gì thêm. Hiện nay chị H và bà H1 là người quản lý và sử dụng tài sản.

Sau khi bố chị H mất đến năm 2015 thì ông nội chị là cụ Vũ Đình Q mất, năm 2015 bà nội chị là cụ Đặng Thị D mất năm 2016. Các con của cụ Q và cụ D gồm: Bà Vũ Thị V; Bà Vũ Thị H2; Ông Vũ Đình Đ; ông Vũ Đình T; Bà Vũ Thị H3; bà Vũ Thị H4.

Nay chị Vũ Thị H yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của bố chị để lại theo quy định pháp luật là ½ khối tài sản trong tổng số tài sản là thửa đất số 99, tờ bản đồ phụ lục 3 diện tích 89m2, trên đất có nhà 01 tầng mái bằng, có gác lửng và các công trình phụ.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Vũ Thị H là chị Quách Thị Lý L nhất trí với phần trình bày của chị H và không thay đổi, bổ sung gì thêm.

** Bị đơn bà Quách Thị Thu H1 trình bày:*

Bà Quách Thị Thu H1 là vợ của ông Vũ Đình C. Ông Vũ Đình C đã mất vào ngày 27/11/2011. Ông C có bố mẹ, anh chị em ruột như chị H khai là đúng.

Khi ông C qua đời để lại khối tài sản là thửa đất số 99, tờ bản đồ Phụ lục 3 diện tích 89m2, trên đất có nhà 01 tầng mái bằng bê tông cốt thép, có gác lửng. Thửa đất trên là tài sản của chồng bà là ông Vũ Đình C và bố mẹ chồng là cụ Vũ Đình Q và cụ Đặng Thị D bỏ tiền ra mua trước khi bà và ông C kết hôn (khoảng năm 1997, 1998) sau đó cụ Q và cụ D đã cho ông C được quyền sử dụng. Tuy nhiên khi mua đất còn nợ lại một khoản tiền. Sau khi kết hôn với ông C bà H1 được biết tổng số tiền mua thửa đất là 5.000.000đ của cụ Đặng Văn L (là anh trai của cụ Đặng Thị

D). Bố mẹ chồng và chồng bà đã trả trước được 4.000.000đ (bốn triệu đồng), sau khi kết hôn vợ chồng bà đã thu vén trả nốt số tiền còn nợ lại là 1.000.000đ (một triệu đồng). Các thủ tục và tiền làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là công sức và tiền bạc của hai vợ chồng bà H1 bỏ ra chi phí hoàn toàn.

Đến năm 2002 vợ chồng bà bỏ tiền ra để xây dựng nhà, bếp và các công trình như nhà tắm, nhà vệ sinh và sinh sống trên thửa đất đó từ năm 2002 đến nay. Hiện nay các công trình trên đất vẫn còn nguyên trạng, từ khi ông C mất chưa xây dựng, tôn tạo gì thêm.

Ông Vũ Đình C mất không để lại di chúc gì, từ khi ông C mất đến nay bà H1 là người quản lý và sử dụng.

Nay chị Vũ Thị H kiện chia di sản thừa kế của ông Vũ Đình C để lại quan điểm của bà H1 là không nhất chia phần di sản của ông C để lại. Trong trường hợp Tòa án chia di sản thừa kế của ông C để lại thì bà H1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra tại phiên tòa bà H1 đề nghị Hội đồng xét xử tính công sức trông nom quản lý tài sản từ khi ông C mất đến nay, tiền bà lo ma chay, cúng giỗ cho ông C tổng cộng là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Nếu được chia bà H1 xin được hưởng phần di sản thừa kế mà ông C để lại bằng hiện vật và trả chênh lệch cho các đồng thừa kế khác bằng tiền.

** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị H2, Vũ Thị H3, Vũ Thị V, Vũ Thị H4 đều có lời khai như sau:*

Về quan hệ huyết thống: Các bà là chị gái của ông Vũ Đình C, các thông tin về năm mất của ông C, cụ D, cụ Q và lý lịch gia đình như chị H khai là đúng. Trước khi mất ông C có để lại khối di sản là thửa đất số 99, tờ bản đồ phụ lục 3 diện tích 89m2, trên đất có nhà 01 tầng mái bằng, có gác lửng. Tải sản này hiện chị H và bà H1 đang quản lý, sử dụng chưa chia cho ai. Riêng bà Vũ Thị V còn khai về nguồn gốc của thửa đất là tài sản của bố mẹ đẻ bà và ông C góp tiền mua của cụ Đặng Văn L với số tiền là 5.000.000đ. Sau khi mua bố mẹ đẻ bà và ông C mới trả được 4.000.000đ còn nợ lại 1.000.000đ thì sau này em dâu bà là bà Quách Thị Thu H1 và chồng là Vũ Đình C trả nốt. Bà V là người ở gần bố mẹ và các em khẳng định ông Vũ Đình T và ông Vũ Đình Đ không có công sức đóng góp gì đối với khối di sản thừa kế mà ông C để lại.

Đối với các công trình kiến trúc trên đất như hiện tại là do công sức của em trai và em dâu bà là Vũ Đình C và Quách Thị Thu H1 xây dựng nên. Trong quá trình em trai và em dâu bà xây nhà thì chỉ có cụ D và bà Vũ Thị H4 chạy qua chạy lại giúp sức như đun nước, nấu cơm… chứ không có ai giúp được ông C và bà H1 về tiền bạc để xây dựng nhà cửa.

Nay chị H kiện chia di sản thừa kế các bà đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Nếu được nhận một phần di sản thừa kế các bà xin được nhận sau này cho lại ai và việc của các bà.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Vũ Đình Đ có lời khai như sau:*

Ông Đ xác định thửa đất số 99, tờ bản đồ Phụ lục 3 diện tích 89m2 tại thôn N, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam là di sản của ông C để lại sau khi mất. Nguồn gốc của thửa đất là của bố mẹ đẻ ông, trên đất có nhà 1,5 tầng do bố mẹ ông xây dựng từ khi các cụ còn sống. Sau này cho ông Vũ Đình C và bà Quách Thị Thu H1 toàn quyền sử dụng. Ông C, bà H1 ăn ở, sinh sống trên đất không tôn tạo, sửa chữa gì thêm. Khi ông C mất đi toàn bộ số di sản trên do bà H1 quản lý, sử dụng. Nay chị Vũ Thị H kiện chia di sản thừa kế của ông C để lại ông Đ đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của ông Vũ Đình C để lại theo quy định pháp luật.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Vũ Đình T có lời khai như sau:*

Ông T xác định nguồn gốc của thửa đất số đất số 99, tờ bản đồ Phụ lục 3 diện tích 89m2 tại thôn N, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam có nguồn gốc là đất hương hỏa của cụ Đoàn Thị H5 cho cụ Đặng Thị D. Sau khi ông Vũ Đình C đi bộ đội về thì cụ Đặng Thị D đã giao lại cho ông C quản lý, sử dụng. Nay ông C mất đi khối tài sản mà để lại là thửa đất số 99, tờ bản đồ phụ lục 3, diện tích 89m2 tại thôn N, xã L, thành phố P hiện bà Quách Thị Thu H1 và chị Vũ Thị H đang quản lý, sử dụng. Quá trình sử dụng không tôn tạo, sửa chữa gì thêm. Nay chị Vũ Thị H yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế ông T không nhất trí chia. Ông T có nguyện vọng để lại thửa đất trên làm nơi thờ phụng ông Vũ Đình C. Ông T đồng ý để bà H1 và chị H ở trên đất chứ không được chuyển nhượng, cho, tặng cho bất cứ ai.

* Tại biên bản làm việc ngày 10/8/2020 của Tòa án, đại diện Ủy ban nhân dân xã L, thành phố P cung cấp cho Tòa án thông tin như sau: Về nguồn gốc thửa đất số 99, tờ bản đồ PL3, diện tích 89m2 tại thôn N, xã Liêm T, thành phố P, tỉnh Hà Nam là của cụ Đặng Văn L (là anh trai của cụ Đặng Thị D). Tại Quyết định số 1212 QĐ-CT ngày 05/9/2005 về việc phê duyệt phương án các trường hợp sử dụng đất chưa hợp pháp trong đó có hộ ông Vũ Đình C thuộc loại hình chuyển quyền thừa kế từ hộ cụ Đặng Văn L đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE634530 ngày -3/7/2006 cho ông Vũ Đình C và bà Quách Thị Thu H1. Hiện không có tranh chấp về mốc giới.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020, Hội đồng định giá đã tiến hành định giá đối với đất và tài sản trên đất tại thửa số 99, tờ bản đồ PL3, diện tích 89m2 tại thôn N, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Kết quả định giá như sau:

Trị giá thửa đất số 99, tờ bản đồ PL3, diện tích 89m2 tại thôn N, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam là 636.350.000đ (Sáu trăm ba mươi sáu triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng). Trị giá các công trình xây dựng trên đất là: 156.883.000đ (Một trăm năm mươi sáu triệu tám trăm tám mươi ba nghìn đồng). Tổng cộng trị giá đất và công trình trên đất là: 793.233.000đ (bảy trăm chín mươi ba triệu hai trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn và người đai diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các quan điểm đã trình bày tại tòa án. Chị H đề nghị Hội đồng xét

xử xem xét nguyện vọng của chị H tự nguyện nộp toàn bộ chi phí định giá tài sản và thẩm định tại chỗ.

- Bị đơn có yêu cầu bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử tính công sức trông nom quản lý tài sản từ khi ông C mất đến nay, tiền chị lo ma chay, cúng giỗ cho ông C tổng cộng là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Vũ Thị V đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị H4 đề nghị Hội đồng xét xử chia thừa kế theo pháp luật, phần thừa kế của các bà được hưởng sau này các bà cho cháu H hay không là quyền của các bà. Bà xem xét miễn án phí cho bà vì bà là người cao tuổi.

** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự*: Việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật, tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, việc gửi các Quyết định và hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm. Các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 611, 612, 613, 616, 618, 623, 649, 650, 651, 652, 658, 660 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của chị Vũ Thị H.

Chia di sản thừa kế của ông Vũ Đình C để lại nằm trong khối tài sản chung vợ chồng giữa ông Vũ Đình C và Quách Thị Thu H là ½ thửa đất số 99, tờ bản đồ PL 3, diện tích 89m2 ở thôn N, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam và tài sản trên đất theo pháp luật. Giao bà Quách Thị Thu H1 quản lý và sử dụng thửa đất số 99, tờ bản đồ PL 3, diện tích 89m2 ở thôn N, xã L, thành phố P và công trình trên đất là di sản của ông Vũ Đình C quản lý sử dụng. Bà H1 có trách nhiệm thanh toán phần chênh lệch bằng tiền tương ứng cho các đồng thừa kế.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá và án phí chia tài sản: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Vũ Thị H chịu toàn bộ chi phí định giá tài sản và thẩm định tại chỗ.

Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đối tượng tranh chấp là thửa đất số 99, tờ bản đồ PL 3, diện tích 89m2 ở thôn Ngái T, xã L, thành phố P. Do vậy căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 100; Điều 203 củaLuật đất đai năm 2013 thì việc tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo trình tự sơ thẩm.

[2] Về quyền khởi kiện: Xét yêu cầu chia di sản thừa kế của chị Vũ Thị H đối với khối di sản ông C để lại là: thửa đất số 99, tờ bản đồ PL 3, diện tích 89m2 ở thôn Ng, xã L, thành phố P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất số AE634530 ngày 3/7/2006 cho ông Vũ Đình C và bà Quách Thị Thu H1. Địa chỉ thửa đất thôn N, xã L, TP P, tỉnh Hà Nam, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về nguồn gốc thửa đất và di sản thừa kế: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ liên quan đến thửa đất đã được thu thập trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của các đồng thừa kế thì thửa đất có nguồn gốc hình thành do ông Vũ Đình C và bà Quách Thị Thu H1 được chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng hình thức thừa kế. Do vậy toàn bộ thửa đất trên là tài sản chung, thuộc quyền sở hữu của ông C và bà H1. Ông C mất năm 2011 không để lại di chúc. Theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật dân sự thì đến nay còn thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Vũ Đình C. Chị Vũ Thị H có quyền khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế.

[3] Về di sản thừa kế: Thửa đất số 99, tờ bản đồ PL3, diện tích 89m2 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE634530 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 03/7/2006 cho hộ ông Vũ Đình C và bà Quách Thị Thu H1, trên đất có nhà mái bằng 01 tầng, gác xép và các công trình trên đất là thuộc sở hữu chung của ông C và bà H1, có tổng giá trị là 793.233.000đ (bảy trăm chín mươi ba triệu hai trăm ba mươi ba nghìn đồng). Như vậy xác định di sản thừa kế do ông C để lại là ½ tổng số tài sản nêu trên có trị giá là 396.616.500đ (ba trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng).

[4] Xem xét thừa kế theo pháp luật: Căn cứ vào lý lịch gia đình mà các đương sự cung cấp cũng như lời khai thống nhất của các đương sự, đủ căn cứ xác định: Năm 2011 ông C mất, tại thời điểm ông C mất bố mẹ ông Công là cụ Q và cụ D vẫn còn sống. Đến năm 2015 cụ Q mất, năm 2016 cụ D mất. Như vậy theo quy định tại Điều 651; 654 Bộ luật dân sự năm 2015 những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm 04 người: Cụ Vũ Đình Q, cụ Đặng Thị D, bà Quách Thị H1 và chị Vũ Thị H. Những người thừa kế của cụ Q, cụ D sẽ được hưởng phần di sản mà cụ Q và cụ D được hưởng từ ông C là bà Vũ Thị V, bà Vũ Thị H2, bà Vũ Thị H3, bà Vũ Thị H4, ông Vũ Đình T, ông Vũ Đình Đ.

[6] Về phân chia di sản: Xét thực tế sử dụng tại thửa đất đang có tranh chấp đã được xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá. Hội đồng xét xử thấy: Từ khi ông C

mất đến nay bà H1 đang quản lý, làm ăn và sinh sống ổn định trên thửa đất này. Bà H1 có ½ trong số số giá trị thửa đất và phần di sản được hưởng thừa kế từ ông C, như vậy bà H1 sở hữu phần lớn tài sản. Mặt khác căn cứ vào vị trí, kích thước của thửa đất cũng không thể chia di sản bằng hiện vật được. Vì vậy cần giao toàn bộ đất và tài sản trên đất cho bà H1 tiếp tục quản lý, sử dụng. Bà H1 có trách nhiệm thanh toán chênh lệch bằng tiền cho các đồng thừa kế khác là phù hợp với thực tế và pháp luật.

Đối với yêu cầu của bà H1 về việc tính công sức trông nom quản lý di sản và ma chay cúng giỗ cho ông C HĐXX thấy: Thực tế bà H1 đã lo tiền ma chay cho ông C lúc ông C mất và trông nom di sản từ thời đó đến nay vì vậy cần trích một phần di sản của ông C để lại tương đương với số tiền là 96.616.500đ (chín mươi sáu triệu sáu trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng) để thanh toán cho bà H1 là phù hợp với pháp luật được quy định tại điều 658 Bộ luật dân sự năm 2015.

Như vậy số giá trị di sản của ông C để lại là 396.616.500đ (ba trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng) được đối trừ số tiền mà bà H1 được hưởng từ việc trông nom di sản, lo ma chay, cúng giỗ ông C là 96.616.500đ (chín mươi sáu triệu sáu trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng). Giá trị di sản thừa kế ông C để lại còn: 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

[7] Việc phân chia di sản cụ thể như sau: Căn cứ Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015:

Trị giá tài sản ông C để lại là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) được chia đều cho các đồng thừa kế, cụ thể mỗi kỷ phần được nhận trị giá là 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng). Giao cho bà Quách Thị Thu H1 được quyền sử dụng, quản lý và sở hữu thửa đất số 99, tờ bản đồ PL3, diện tích 89m2 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE634530 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 03/7/2006 cho hộ ông Vũ Đình C và bà Quách Thị Thu H1, trên đất có nhà 01 mái bằng 01 tầng, gác xép và các công trình trên đất có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đường DT 491 dài 4,67m; phía Nam giám đất nhà ông Đặng Văn T dài 4,07m; phía Tây giáp nhà ông Đặng Văn T1 dài 20,46m; phía Đông giáp nhà ông Đỗ Văn U dài 20,48m có tổng giá trị là 793.233.000đ (Bảy trăm chín mươi ba triệu hai trăm ba mươi ba triệu đồng).

Bà Quách Thị Thu H1 có trách nhiệm thanh toán cho các đồng thừa kế là chị H giá trị kỷ phần thừa kế là: 75.000.000đ. Ông Đ, ông T, bà V, bà H2, bà H3, bà H4 được hưởng giá trị kỷ phần thừa kế từ cụ D và cụ Q là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng). Cụ thể mỗi người được hưởng là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

[8] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng), chị H đã tự nguyện thanh toán đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định

giá tài sản là 1.700.000đ. Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị H vì vậy các đương sự khác không phải nộp tiền chi phí định giá và thẩm định tài sản.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải nộp án phí trên trị giá tài sản được hưởng theo quy định pháp luật. Bà V có giấy xác nhận của Hội người cao tuổi xã L là người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên được miễn toàn bộ tiền án phí. Bà Quách Thị Thu H1 còn phải chịu thêm án phí về phần công sức giữ gìn, tôn tạo quyền sử dụng đất và ma chay cho ông C mà bà được hưởng.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 184; Điều 185; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 100; Điều 166; Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

- Áp dụngcác Điều 149; 213; 219; 611; 613; 614; 649; 650; 651; 658; 660 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế theo pháp luật của chị Vũ Thị H.

2/ Xác định di sản thừa kế của ông Vũ Đình C để lại là: ½ tổng trị giá của thửa đất số 99, tờ bản đồ PL3, diện tích 89m2 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE634530 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 03/7/2006 đối với cho hộ ông Vũ Đình C và bà Quách Thị Thu H1, trên đất có nhà 01 mái bằng 01 tầng, gác xép và các công trình phụ là 396.616.500đ (ba trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng).

3/ Xác định bà Quách Thị Thu H1 sở hữu ½ tổng giá trị tài sản của thửa đất số 99, tờ bản đồ PL3, diện tích 89m2 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE634530 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 03/7/2006 đối với cho hộ ông Vũ Đình C và bà Quách Thị Thu H1, trên đất có nhà 01 mái bằng 01 tầng, gác xép và các công trình phụ là 396.616.500đ (ba trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng).

4/ Xác định bà H1 được hưởng từ việc trông nom, lo đám tang cúng giỗ ông C là 96.616.500đ (Chín mươi sáu triệu sáu trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng).

- Giá trị di sản thừa kế ông C để lại còn: 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

5/ Xác định người được hưởng thừa kế của ông Vũ Đình C theo pháp luật gồm: Cụ Vũ Đình Q, cụ Đặng Thị D, bà Quách Thị Thu H1, chị Vũ Thị H.

- Xác định người được hưởng thừa kế từ cụ Vũ Đình Q và cụ Đặng Thị D gồm: ông Vũ Đình Đ, ông Vũ Đình T, bà Vũ Thị V, Vũ Thị H2, Vũ Thị H3, Vũ Thị H4.

6/ Xác định mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng theo pháp luật từ công Vũ Đình C có giá trị là: 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng).

- Ông Đ, ông T, bà V, bà H2, bà H3, bà H4 được hưởng giá trị kỷ phần thừa kế của cụ D và cụ Q là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng). Cụ thể mỗi người được hưởng là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

7/ Phân chia di sản thừa kế của ông Vũ Đình C để lại như sau:

- Giao cho bà Quách Thị Thu H1 được quyền sử dụng, quản lý và sở hữu thửa đất số 99, tờ bản đồ PL3, diện tích 89m2 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE634530 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 03/7/2006 cho hộ ông Vũ Đình C và bà Quách Thị Thu H1, trên đất có nhà 01 mái bằng 01 tầng, gác xép và các công trình trên đất có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đường DT 491 dài 4,67m; phía Nam giám đất nhà ông Đặng Văn T dài 4,07m; phía Tây giáp nhà ông Đặng Văn T1 dài 20,46m; phía Đông giáp nhà ông Đỗ Văn U dài 20,48m có tổng giá trị là 793.233.000đ (Bảy trăm chín mươi ba triệu hai trăm ba mươi ba triệu đồng).

Bà Quách Thị Thu H1 có trách nhiệm thanh toán cho chị H giá trị một kỷ phần thừa kế là: 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng).

Bà Quách Thị Thu H có trách nhiệm thanh toán cho ông Đ, ông T, bà V, bà H2, bà H3, bà H4 mỗi người 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

7/ Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

8/ Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng), chị H đã tự nguyện thanh toán đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.700.000đ. Người đại diện theo ủy quyền của chị H là chị Quách Thị Lý L đã thanh toán xong theo biên bản quyết toán chi phí định giá tài sản và thẩm định tại chỗ ngày 12/8/2020

9/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí là 3.750.000đ (ba triệu bảy trăm năm mươi ngìn đồng). Bà H1 phải chịu án phí là 8.580.825đ (tám triệu năm trăm tám mươi nghìn tám trăm đồng). Ông Đ, ông T, bà H2, bà H3, bà H4 mỗi người phải chịu án phí là 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Bà V được miễn toàn bộ tiền án phí. Đối trừ với biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 0004452 ngày 23/3/2020 chị Vũ Thị H phải nộp thêm 2.750.000.000đ (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về quyền kháng cáo: các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- CQ THADS thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Duy